

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 4 - 2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Bền

2. Bà Dư Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên Tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2021/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2021, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị K, sinh năm: 1979 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: anh Võ Văn C, sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày: Chị và anh Võ Văn C tự tìm hiểu quen biết trước và được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Kể từ khi chung sống vợ chồng với nhau giữa chị và anh C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Xét thấy chị và anh C không thể nào hàn gắn chung sống hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: chị và anh C có hai con chung tên Võ Minh Tr, sinh ngày 07/10/1999 và Võ Bích T, sinh ngày 16/02/2004. Cháu Tr đã trưởng thành, riêng cháu T chưa đủ 18 tuổi nhưng cháu T đã lập gia đình ở riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: không có

Bị đơn anh Võ Văn C không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị K khởi kiện xin ly hôn, với anh Võ Văn C nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh Võ Văn C có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Võ Văn C với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, anh C cũng biết được thông tin chị K khởi kiện đơn phương xin ly hôn tại Tòa án nhưng anh C vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh C

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn C tự tìm hiểu quen biết, tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau, lễ cưới tổ chức vào năm 1996 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị không được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp nên chị K có đơn yêu cầu ly hôn với anh C, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn C là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: chị K xác định chị và anh C có hai con chung tên Võ Minh Tr, sinh ngày: 07/10/1999 và Võ Bích T, sinh ngày: 16/02/2004. Chị K xác định các con đã có gia đình, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết. Anh C không có ý kiến gì về con nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ là giấy khai sinh của cháu Tr và T do chị K cung cấp đã thể hiện anh chị là cha mẹ của hai cháu Tr và T. Cháu Tr hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét. Riêng cháu T chưa đủ 18 tuổi nhưng cháu đã lập gia đình có cuộc sống riêng tư. Tại bản tự khai của cháu T, cháu xác định, bản thân đã có chồng và đã có cuộc sống riêng nên không yêu cầu được sống cùng với ai và cấp dưỡng. Cháu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: chị K xác định không có; anh C cũng không có ý kiến phản đối cũng như có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị K phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị K đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005869 ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chị K đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 14, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào Điều 14, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: công nhận cháu Võ Minh Tr, sinh ngày: 07/10/1999 và cháu Võ Bích T, sinh ngày: 16/02/2004 là con chung của chị K và anh C. Hiện tại cháu Tr đã trưởng thành và cháu Tiên đã lập gia đình có cuộc sống riêng tư; chị K, anh C và cháu T không yêu cầu giải quyết về quyền nuôi con và cấp dưỡng nên không xem xét.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị K đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005869 ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chị K đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hương